

SAO KÊ TÀI KHOẢN
ACCOUNT STATEMENT

Tên tài khoản/Account name: CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Ngày thực hiện/ Date: 14/04/2022

Số tài khoản/Account number: 0721005104420

Chi nhánh thực hiện/ Branch: VCB KY DONG-TRU SO CN

Loại tài khoản/Type of Account: Tài khoản 1 chủ sở hữu/ Sole owner account

Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản/ Number of Joint account holder (nếu có):

Địa chỉ/ Address: 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THUDUC,TPHCM

CMND/CCCD/Hộ chiếu số 0309391503

ID/Citizen ID/PP No:

CIF: 4202353

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 01/01/2022

Đến/ To: 13/04/2022

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 549.892.680

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	04/01/2022 5009.42476		1.331.184	551.223.864	SHGD:10000963.DD:220104.BO:CTY TNHH THUONG MAI GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 0005661 - NGOC THOM
2	04/01/2022 5009.47104		1.170.909	552.394.773	SHGD:10001950.DD:220104.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBSL1474 - TT INV 10,11/2021
3	04/01/2022 5056.70347	250.007.700		302.387.073	IBVCB.0401220155045001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
4	04/01/2022 5058.95664	72.181.450		230.205.623	IBVCB.0401220779305002.THANH TOAN CHO CTY NGOC TAM 50%
5	05/01/2022 5009.85227		157.222.641	387.428.264	SHGD:10005232.DD:220105.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY, LIMITED/EBS.Remark:TT VNM2001Z N 0020920.0022429.0021172.727.726.729.6 23.634.611.649.606.608.605.1088.804.105 3.813.1089.811.809.758.810.803.806.805. 867.807. 808.1157.1149.121 TK DVH TAI VC
6	06/01/2022 5056.42812	250.007.700		137.420.564	IBVCB.0601220789415001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
7	06/01/2022 5211.21826		13.021.810	150.442.374	0200888899010620554720220001988975. 21826.205547.HASHTAG ECOs TT cong no T9.10.11 2021 NCC NGOC THOM HD 7223 7224 7430 7431 156 1136 2512



STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
8	07/01/2022 10.19	11.000		150.431.374	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 07 NGÀY 07.01.2022
9	08/01/2022 9915.94509	55.000		150.376.374	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHỦ ĐÓNG THANG 12/2021. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND
10	08/01/2022 5056.88660	130.007.700		20.368.674	IBVCB.0801220384931001.DANG XUAN NGOC rút tiền mặt nhập quỹ
11	08/01/2022 5056.88887		820.000.000	840.368.674	IBVCB.0801220982563003.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
12	10/01/2022 5056.99806	800.007.700		40.360.974	IBVCB.1001220395929001.DANG XUAN NGOC rút tiền mặt nhập quỹ
13	10/01/2022 5009.48784		1.136.124	41.497.098	SHGD:10001190.DD:220110.BO:CTY TNHH THƯƠNG MẠI GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 0006887- NGOC THOM
14	10/01/2022 5056.3220	7.597.700		33.899.398	IBVCB.1001220746489002 thanh toán 50% còn lại HD SO:0000145
15	10/01/2022 10.13	11.000		33.888.398	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 08 NGÀY 10.01.2022
16	10/01/2022 5056.5633		1.500.000.000	1.533.888.398	IBVCB.1001220821015002.thanh toán tiền hàng cho cty ngọc thom
17	10/01/2022 5058.8101	318.109.730		1.215.778.668	IBVCB.1001220998967003.THANH TOAN TIEN HANG CHO KHANH TOAN
18	10/01/2022 5058.9289	772.365.575		443.413.093	IBVCB.1001220075695004.THANH TOAN HD SO 00000004 CTY KIM VIET
19	10/01/2022 5057.67870	95.276.646		348.136.447	IBVCB.1001220230481007.+BHXH+103 +00+TU1428U+07903+Dong BHXH+
20	10/01/2022 5009.64513		22.909.350	371.045.797	SHGD:10010814.DD:220110.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90215005820B2SC 090215005820B2SC0 ChargeDetails OUR
21	11/01/2022 9917.63261	110.000		370.935.797	THU PHI DUY TRI DỊCH VỤ VCB IBANKING NAM 2021. SỐ TIỀN 110000 VND
22	12/01/2022 33.173		5.424.392	376.360.189	HUNG THINH CH PHUOC BINH TT TIEN HANG HOA THEO HD 6556 / 090821 NGOCTHOM
23	12/01/2022 5056.85064		5.863.825	382.224.014	IBVCB.1201220982583002.Epcó store thanh toán tiền hàng theo hd số 0005657
24	13/01/2022 5058.12738	33.323.079		348.900.935	IBVCB.1301221043309001.THANH TOAN HD SO 00000039

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

T No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
25	13/01/2022 5058.12927	46.350.606		302.550.329	IBVCB.1301220125589002.THANH TOAN HD SO 0001909
26	13/01/2022 5058.13145	46.150.199		256.400.130	IBVCB.1301220281233003.THANH TOAN HD SO 0000468
27	13/01/2022 5056.14670	200.007.700		56.392.430	IBVCB.1301220528945004.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
28	14/01/2022 9920.46		4.004.140	60.396.570	//SAL2022014S007000130001//B O CT PP SANH DIEU TT LS1474 TT INV 10 11 2021
29	14/01/2022 5017.7490		9.473.680	69.870.250	729226.140122.031031.PI4450 THANH TOAN TIEN MUA NVL BEP T11/2021-NGOC THOM-HD 2746
30	15/01/2022 5017.20317		898.652	70.768.902	965553.150122.125306.CTY HNT TT HD 0007687 NGOC THOM
31	17/01/2022 5009.30045		3.791.481	74.560.383	SHGD:10004290.DD:220117.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HB LS1474 - TT INV 11, 12/2021
32	17/01/2022 5009.49267		855.969	75.416.352	SHGD:10004499.DD:220117.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSANH DIEU HN THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM HD1570-XTHD44999
33	17/01/2022 5009.30587		6.027.486.937	6.102.903.289	SHGD:10003873.DD:220117.BO:CT CP DV TM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0003877 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
34	17/01/2022 5056.86063	7.207.700		6.095.695.589	IBVCB.1701220530397001.THANH TOAN 50% CON LAI CHO CTY NAM VIET
35	17/01/2022 5009.52392		184.765.345	6.280.460.934	SHGD:10004734.DD:220117.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM2025D6 N 2109.2108.2110.2440.2368.2425.2427.243 1.2113.2493.2119.2111.2118.2133.2129.2 439.2137.2509.2124.2134.2258.2504.2399 .2139.211 4.2117.2135.2400. TK DVH TAI VC
36	18/01/2022 5017.77695		6.652.080	6.287.113.014	973031.180122.093002.THANH TOAN HD SO 8040
37	18/01/2022 5056.99912	1.000.007.700		5.287.105.314	IBVCB.1801220412947001.thanh toan tien hang cho cty THU HANG.
38	18/01/2022 5056.3071	500.007.700		4.787.097.614	IBVCB.1801220023131002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
39	18/01/2022 5058.3981	776.124.190		4.010.973.424	IBVCB.1801220544749003.THANH TOAN HD SO 00000009 CTY KIM VIET

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
40	18/01/2022 5009.38396		2.042.198	4.013.015.622	SHGD:10002622.DD:220118.BO:CN TCT TM S.GON TNHH MTV ST S.GON.Remark:PHI TRONG, VD-426, TT HD 3713
41	18/01/2022 10.86	1.305.698.631		2.707.316.991	TRANSFERTAT TOAN TKV 1021767665
42	18/01/2022 10.90	1.104.565.754		1.602.751.237	TRANSFERTAT TOAN TKV 1022042603
43	19/01/2022 5058.54540	60.333.680		1.542.417.557	IBVCB.1901220114049001.THANH TOAN CON LAI CTY THANH DAT
44	20/01/2022 5058.76967	14.453.010		1.527.964.547	IBVCB.2001220388307001.THANH TOAN 10% CON LAI HD SO 4 CTY NGOC TAM
45	20/01/2022 5058.78705	210.184.675		1.317.779.872	IBVCB.2001220092551002.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY VINSUN GROUP
46	20/01/2022 5065.3308	1.718.901		1.316.060.971	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:20012022+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1056286+LThue:01(C:754-TM:1701-KT: 00/12/2021-ST:1718901-GChu:Nop tien thue GTGT tháng 12/2021)
47	20/01/2022 9920.30		1.654.070.472	2.970.131.443	IBVCB.202201205087062056.30.2220037 5-THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 19/01/2022
48	21/01/2022 5065.12409	3.000.000		2.967.131.443	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:21012022+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1056286+LThue:01(C:754-TM:2862-KT: 00/QT/2022-ST:3000000-GChu:Nop tien thue mon bai nam 2022)
49	21/01/2022 5065.12425	1.000.000		2.966.131.443	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:21012022+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1056286+LThue:01(C:754-TM:2864-KT: 00/QT/2022-ST:1000000-GChu:Nop tien thue mon bai cn Ha Noi nam 2022)
50	21/01/2022 5065.12475	1.000.000		2.965.131.443	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:21012022+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1056286+LThue:01(C:754-TM:2864-KT: 00/QT/2022-ST:1000000-GChu:Nop tien thue mon bai cn HCM nam 2022)
51	21/01/2022 5017.27480		1.671.197	2.966.802.640	580109.210122.215554.THANH TOAN CONG NO-210122-21:55:49 580109
52	22/01/2022 5056.28061	1.900.007.700		1.066.794.940	IBVCB.2201220468141001.thanh toan tien hang cho THU HANG.

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

ST No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
53	22/01/2022 5058.30126	400.066.000		666.728.940	IBVCB.2201220598479002.THANH TOAN TIEN HANG CHO KHANH TOAN
54	24/01/2022 5130.33479		306.376.044	973.104.984	/Ref:PATTM20398H {//}/Ref:PATTM20398H{//}TT VNM20398H N BATCH:M2-24/01/2022PAYMENT:831 7000022073VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
55	25/01/2022 33.118		6.040.562	979.145.546	HUNG THINH - CH PHUOC BINH TT TIEN HANG HOA THEO HD 7701 HDSH 8331 14 18.01.22 NGOCTHOM
56	25/01/2022 5009.96694		2.663.703.660	3.642.849.206	SHGD:10004253.DD:220125.BO:WINC OMMERCE JSC.Remark:AK05002000012306 WINCOMMERCE TTTTSTCHO NCC 2003606
57	25/01/2022 9403.0012468207	22.000		3.642.827.206	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
58	25/01/2022 9704.0012468207		130.739	3.642.957.945	INTEREST PAYMENT
59	26/01/2022 5101.1180		5.728.161	3.648.686.106	Sender:01307001.DD:260122.SHGD:100 00726.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV12/2021-01/2022
60	26/01/2022 7.93		3.298.878	3.651.984.984	TTTT SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
61	26/01/2022 5017.42124		1.343.313	3.653.328.297	934529.260122.112451.CTY HNT TT HD 0009296 NGOC THOM
62	26/01/2022 5056.43758	500.007.700		3.153.320.597	IBVCB.2601220220903001.thanh toan tien hang cho cty THU HANG.
63	26/01/2022 5056.38305	500.007.700		2.653.312.897	IBVCB.2601220578267002.DANG XUAN NGOC rút tien mat nhap quy
64	26/01/2022 9908.15572	25.273.973		2.628.038.924	THU NO TKV 1024490809
65	26/01/2022 9908.63640	8.013.699		2.620.025.225	THU NO TKV 1024758019
66	26/01/2022 9908.34280	5.856.164		2.614.169.061	THU NO TK VAY 1025487890
67	26/01/2022 9908.71885	7.397.260		2.606.771.801	THU NO TKV 1024276691
68	26/01/2022 9908.18353	12.328.767		2.594.443.034	THU NO TKV 1023650601
69	26/01/2022 9908.27861	4.931.507		2.589.511.527	THU NO TKV 1025527925
70	26/01/2022 9908.7492	6.062.586		2.583.448.941	THU NO TKV 1023346232
71	26/01/2022 9908.35842	4.370.650		2.579.078.291	THU NO TK VAY 1022607762

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
72	26/01/2022 9908.44885	6.706.849		2.572.371.442	THU NO TKV 1023416140
73	26/01/2022 9908.67472	16.643.835		2.555.727.607	THU NO TKV 1024125266
74	26/01/2022 9908.53663	9.246.575		2.546.481.032	CA - TARGET-LN
75	26/01/2022 9908.77650	9.246.575		2.537.234.457	THU NO TKV 1024905305
76	27/01/2022 5009.76085		4.035.958	2.541.270.415	SHGD:10002221.DD:220127.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBS1474 -TT INV T12/21+1/22
77	27/01/2022 6.116	553.150.794		1.988.119.621	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- PAY CONTRACT AQ38-
78	27/01/2022 6.119	529.212.431		1.458.907.190	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- PAY CONTRACT AQ38-
79	27/01/2022 5056.78252	500.007.700		958.899.490	IBVCB.2701220576535001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
80	27/01/2022 18.111	1.843.358		957.056.132	CHUYEN KHOAN27/01/2022+USD24.282.30+Fee :USD80.92+ADVANCE PAYMENT OF INV NO 17/12/2021 CONT NO AQ 38 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O , Phi:USD 73.56, NoiDung:ADVANCE PAYMENT OF INV NO 17/12/2021 CONT NO AQ 38
81	27/01/2022 18.115	1.790.736		955.265.396	CHUYEN KHOAN27/01/2022+USD23,231.45+Fee :USD78.61+ADVANCE PAYMENT OF INV NO 20/12/2021 CONT NO AQ 38 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O , Phi:USD 71.46, NoiDung:ADVANCE PAYMENT OF INV NO 20/12/2021 CONT NO AQ 38
82	27/01/2022 10.240	11.000		955.254.396	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 09 NGAY 27.01.2022
83	27/01/2022 5056.2781		1.000.000.000	1.955.254.396	IBVCB.2701220431171001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
84	28/01/2022 5009.74938		23.882.094	1.979.136.490	SHGD:10001269.DD:220128.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90073005820BISC 090073005820BISC0 ChargeDetails OUR
85	28/01/2022 5056.17255	1.500.007.700		479.128.790	IBVCB.2801220904067001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
86	28/01/2022 5058.18817	35.761.143		443.367.647	IBVCB.2801220852879002.THANH TOAN HD SO 0000255 VA 0000237

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

TT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
87	28/01/2022 5009.54052		3.398.120	446.765.767	SHGD:10008406.DD:220128.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:6WQyD.SL. THANH TOAN HD SO 10355
88	28/01/2022 5017.95653		13.182.283	459.948.050	143470.280122.174419.MEKONG THANH TOAN CONG NO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
89	29/01/2022 5056.57503		400.000.000	859.948.050	IBVCB.2901220904493001.thanh toan tien hang cho cty ngoc thom
90	29/01/2022 5056.58506	300.007.700		559.940.350	IBVCB.2901220592501001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
91	29/01/2022 5056.59754	13.897.173		546.043.177	IBVCB.2901220717915002.thanh toan HD so 0005302
92	29/01/2022 5058.64572	42.337.904		503.705.273	IBVCB.2901220345999003.THANH TOAN HD SO 00000048
93	07/02/2022 5009.48660		252.677.301	756.382.574	SHGD:10004372.DD:220207.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM204N7P N AC/20E.AC/20E.AC/20E.0003159.00032 20.0003839.0003965.0003968.0004052.33 54.3353.3349.2952.3129.3360.3312.3659. 3671.3355.3351 .3326.3347.3348.2 TK DVH TAI VC
94	07/02/2022 5009.76057		46.796.573	803.179.147	SHGD:10013602.DD:220207.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040622020751984)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0000653,0000652,0000650,0000654,0000 651 (NHH: VIETCOMBANK KY DONG-)
95	08/02/2022 5009.30401		6.811.775	809.990.922	SHGD:10000281.DD:220208.BO:CTY CO PHAN SHINSEN GROUP.Remark:- -SHINSEN TT CONG NO NCC NGOC THOM HD SO 3293 - 4570 - 4742 - 5480-
96	08/02/2022 5009.62348		16.022.490	826.013.412	SHGD:10004400.DD:220208.BO:CTY CO PHAN EAST WEST BREWING.Remark:P14450- THANH TOAN TIEN MUA NVL BEP T12/2021-01/12/21-28/12/21- NGOC THOM-HD 5733
97	08/02/2022 5056.76395		5.364.978	831.378.390	IBVCB.0802220804907001.Epco store thanh toan tien hang theo hoa don so 8061, 73664
98	09/02/2022 5056.77567	24.506.850		806.871.540	IBVCB.0902220009959001.PHI DIEN NANG 2 CONT COSU6319712516, COSU6321088172

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
99	09/02/2022 5058.77596	29.165.780		777.705.760	IBVCB.0902220563831002.PHI DIEN NANG 2 CONT COSU6319712516, COSU6321088172
100	09/02/2022 5009.84984		13.311.516	791.017.276	SHGD:10000057.DD:220209.BO:CTY TNHH KDTM VA DV SUNSHINE MART.Remark:--TRA TIEN CHO CTY TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TIEN HANG T12/2021(HD0002729,0003691,0003771,0004665,0005246..0005737)-
101	10/02/2022 5009.10672		16.936.911	807.954.187	SHGD:10009210.DD:220210.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90151005820B2SC 090151005820B2SC0 ChargeDetails OUR
102	10/02/2022 5130.14393		299.488.038	1.107.442.225	/Ref:PATTM2054JL {//}/Ref:PATTM2054JL{//}TT VNM2054JL N BATCH:M2.3-10.02.2022PAYMENT:81 17000049634VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
103	11/02/2022 5009.9786		5.900.153	1.113.342.378	SHGD:17934694.DD:220211.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD-426, TTHD 43177
104	12/02/2022 5056.49290	500.007.700		613.334.678	IBVCB.1202220148101001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
105	12/02/2022 5058.50762	39.077.760		574.256.918	IBVCB.1202220043937002.THANH TOAN HD SO 0002106
106	12/02/2022 5058.50768	13.127.520		561.129.398	IBVCB.1202220733617003.THANH TOAN HD SO 0000944
107	14/02/2022 5058.67635	315.388.280		245.741.118	IBVCB.1402220236285001.THANH TOAN HD SO 0000026-CTY KIM VIET
108	15/02/2022 5009.46564		157.812.336	403.553.454	SHGD:10002637.DD:220215.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM205MN3 N 5615.5708.6008.6009.6011.6007.6010.6001.6013.6006.6003.6012.6005.6002.6004.6014.5247.5622.5249.5248.5250.5279.5285.5286.550 7.5282.5278.5284. TK DVH TAI VC
109	15/02/2022 5009.91542		3.445.772.931	3.849.326.385	SHGD:10028804.DD:220215.BO:CONG TY CO PHAN DICH VU THUONG MAITONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0015437 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
110	16/02/2022 5056.34737	500.007.700		3.349.318.685	IBVCB.1602220642359001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

TT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiêu/ Transactions in detail
111	17/02/2022 5009.13620		2.491.187	3.351.809.872	SHGD:10000749.DD:220217.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:796ZQ.PL. THANH TOAN HD SO 11477
112	17/02/2022 7.149		12.820.951	3.364.630.823	TTTT SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
113	17/02/2022 5017.18425		471.409	3.365.102.232	732386.170222.175440.CTY HNT TT HD 0012819 NGOC THOM
114	18/02/2022 5017.14107		818.661	3.365.920.893	096457.180222.142748.CTY HNT TT HD 0012833 NGOC THOM
115	18/02/2022 5017.93947		18.336.174	3.384.257.067	181151.180222.160611.EWBC Thanh toan tien mua NVL bep T01 2022 29 12 21 - 25 01 22 - NGOC THOM - HD 6247 10499
116	19/02/2022 9915.96636	55.000		3.384.202.067	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHỦ ĐÔNG THANG 01/2022. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND
117	21/02/2022 5065.22562	265.743.714		3.118.458.353	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:21022022+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1056286+LThue:01(C:754-TM:1701-KT: 00/01/2022-ST:265743714-GChu:Nop tien thue GTGT thang 01/2022)
118	21/02/2022 9920.53		1.974.734.113	5.093.192.466	//SAL2022052S0070050330005//210222 LH HTX TM TPHCM 22000054 THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 18 02 2022
119	21/02/2022 5017.7013		9.029.121	5.102.221.587	504919.210222.173537.NHAT MINH CK 01.01 DEN 31.01.22-210222-17:35:33 504919
120	22/02/2022 5130.10022		349.224	5.102.570.811	/Ref:P14848313858{}/B/O:RECESS COMPANY LIMITED, VN33W33 V4P-22-007
121	22/02/2022 5017.293		826.617	5.103.397.428	743041.220222.115328.CTY HNT TT HD 0013243 NGOC THOM
122	23/02/2022 5009.4722		2.154.136	5.105.551.564	SHGD:17185405.DD:220223.BO:CN ICTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD-426, TTHD 5361, HTT12.21: 358.133
123	23/02/2022 5056.62733	2.000.007.700		3.105.543.864	IBVCB.2302220524057001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
124	23/02/2022 5058.62739	450.074.250		2.655.469.614	IBVCB.2302220950809002.DAT COC 1902/2022/BA-NT-CTY BINH AN

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiêu/ Transactions in detail
125	24/02/2022 5130.18870		651.121.616	3.306.591.230	/Ref:PATTM206XBR {/}/Ref:PATTM206XBR{/}/TT VNM206XBR N BATCH:M2-24.02.2022PAYMENT:811 7000049784VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
126	24/02/2022 5056.80128	17.807.700		3.288.783.530	IBVCB.2402220744423001.thanh toan HD so 0014000 va 0014014
127	25/02/2022 5009.33875		1.167.248.352	4.456.031.882	SHGD:10019261.DD:220225.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0029956 WINCOMMERCE THST L1 NCC 2003606
128	25/02/2022 5009.34026		1.355.795.800	5.811.827.682	SHGD:10019536.DD:220225.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0029955 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
129	25/02/2022 5009.69231		102.369.436	5.914.197.118	SHGD:10003424.DD:220225.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN JAN 22
130	25/02/2022 9404.0012468207	22.000		5.914.175.118	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
131	25/02/2022 9705.0012468207		306.901	5.914.482.019	INTEREST PAYMENT
132	26/02/2022 5017.98425		3.706.308	5.918.188.327	207526.260222.135302.MEKONG THANH TOAN CONG NO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
133	26/02/2022 5056.31614	7.407.700		5.910.780.627	IBVCB.2602220757809001.thanh toan HD so 0014015
134	27/02/2022 5056.35770	700.007.700		5.210.772.927	IBVCB.2702220841569001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
135	28/02/2022 5017.80499		557.734	5.211.330.661	718444.280222.111334.CTY HNT TT HD 0014333 NGOC THOM
136	28/02/2022 5017.80551		580.018	5.211.910.679	718556.280222.111337.CTY HNT TT HD 0014251 NGOC THOM
137	28/02/2022 5009.51760		53.242.632	5.265.153.311	SHGD:10002170.DD:220228.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90032005820B1SC 090032005820B1SC0 ChargeDetails OUR
138	28/02/2022 5056.55773	1.000.007.700		4.265.145.611	IBVCB.2802220438323001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
139	28/02/2022 14.178	713.824.335		3.551.321.276	TRANSFERCTY NGOC THOM PAYOFF TK VAY 1022607762
140	28/02/2022 14.185	990.154.965		2.561.166.311	TRANSFERCTY NGOC THOM PAYOFF TK VAY 1023346232

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
141	28/02/2022 9908.68927	10.171.233		2.550.995.078	CA - TARGET-LN
142	28/02/2022 9908.20440	13.561.644		2.537.433.434	THU NO TKV 1023650601
143	28/02/2022 9908.12102	10.171.233		2.527.262.201	THU NO TK VAY 1025487890
144	28/02/2022 9908.52392	18.308.219		2.508.953.982	THU NO TKV 1024125266
145	28/02/2022 9908.877	10.171.233		2.498.782.749	THU NO TKV 1025527925
146	28/02/2022 9908.37820	8.815.068		2.489.967.681	THU NO TKV 1024758019
147	28/02/2022 9908.55984	27.801.370		2.462.166.311	THU NO TKV 1024490809
148	28/02/2022 9908.81486	9.863.014		2.452.303.297	CA - TARGET-LN
149	28/02/2022 9908.23397	7.377.535		2.444.925.762	THU NO TKV 1023416140
150	28/02/2022 9908.23278	8.136.986		2.436.788.776	THU NO TKV 1024276691
151	28/02/2022 9908.65366	10.171.233		2.426.617.543	THU NO TKV 1024905305
152	01/03/2022 5009.45386		9.653.982	2.436.271.525	SHGD:10004410.DD:220301.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBL51474 - TT INV 12/2021+ 01/2022
153	01/03/2022 5009.59280		39.448.104	2.475.719.629	SHGD:10002799.DD:220301.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040622022889830)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0006679,0006911,0006678,0006683,0006 688,0008656,0010333 CAN TRU HD 0167932 (N HH: VIETCOMBANK KY DONG-)
154	01/03/2022 5058.99612	47.019.719		2.428.699.910	IBVCB.0103220993855001.THANH TOAN HD SO 00000036
155	01/03/2022 5009.98286		9.007.081	2.437.706.991	SHGD:17330210.DD:220301.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD 426, TT HD 6682, 7161, 10256
156	01/03/2022 5058.4205	23.520.900		2.414.186.091	IBVCB.0103220791295002.THANH TOAN CHO CTY ANH NGOC.
157	01/03/2022 5017.69684		12.728.730	2.426.914.821	448465.010322.191949.NHAT MINH CK, BK 18.02 DEN 28.02-010322-19:19:45 448465
158	02/03/2022 5009.92513		35.095.246	2.462.010.067	SHGD:10000602.DD:220302.BO:CONG TY TNHH VIET Y HA NOI CENTER.Remark:STHI VIET Y TT CONG NO DON HANG T T4 DEN T7/2021 NCC NGOC THOM



Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
159	04/03/2022 5009.27683		3.186.797	2.465.196.864	SHGD:10000947.DD:220304.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSANH DIEU HN THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM HD2688
160	04/03/2022 5058.80612	234.388.668		2.230.808.196	IBVCB.0403220147741001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY VINSUN GROUP
161	04/03/2022 5058.37	160.765.522		2.070.042.674	IBVCB.0403220557987002.THANH TOAN TIEN HANG CHO KHANH TOAN
162	07/03/2022 5017.30647		993.939	2.071.036.613	020511.070322.124407.CTY HNT TT HD 00000248 NGOC THOM
163	07/03/2022 5009.17370		298.069.670	2.369.106.283	SHGD:10002780.DD:220307.BO:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM208AZJ N AC/20E.AC/20E.AC/20E.6409.6405.633 4.6912.6336.6317.6319.6343.6929.6857.6 849.6320.6322.6327.6861.6338.6840.6410 .6310.6341.65 37.6926.6311.6842 TK DVH TAI VC
164	07/03/2022 5058.14571	2.041.378		2.367.064.905	IBVCB.0703220721607001.THANH TOAN HD SO 00000120
165	07/03/2022 5058.14605	16.510.880		2.350.554.025	IBVCB.0703220136815002.THANH TOAN HD SO 000270
166	07/03/2022 5058.14622	24.525.850		2.326.028.175	IBVCB.0703220937647003.THANH TOAN HD SO 00000119
167	07/03/2022 5058.22076	19.827.558		2.306.200.617	IBVCB.0703220097077004.THANH TOAN HD SO 0000007
168	07/03/2022 5058.34827	15.928.358		2.290.272.259	IBVCB.0703220257699005.THANH TOAN HD SO 00000315
169	07/03/2022 5057.89767	91.598.127		2.198.674.132	IBVCB.0703220199059006.+BHXH+103 +00+TUI428U+07903+Dong BHXH+
170	08/03/2022 5058.36428	330.054.450		1.868.619.682	IBVCB.0803220330607001.DAT COC HD SO : 0703/2022/BA-NT
171	08/03/2022 5056.61718	1.000.007.700		868.611.982	IBVCB.0803220903539002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
172	09/03/2022 5017.56897		936.201	869.548.183	879416.090322.115706.CTY HNT TT HD 00000660 NGOC THOM
173	09/03/2022 5017.87777		10.781.000	880.329.183	853734.090322.160215.Cong ty TNHH sieu thi hien luong chuyen tra tien hang cho Cty Ngoc Thom
174	10/03/2022 5056.92807	359.047.700		521.281.483	IBVCB.1003220906055001.thanh toan tien hang cho cty Ha Long

TT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
175	10/03/2022 5130.20872		399.543.677	920.825.160	/Ref:PATTM208V4Y {/}/Ref:PATTM208V4Y{/}/TT VNM208V4Y N BATCH:M2.3-10.03.2022PAYMENT:81 17000049942VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
176	11/03/2022 5017.3371		578.256	921.403.416	767009.110322.110534.CTY HNT TT HD 0000662 NGOC THOM
177	11/03/2022 5056.45359	32.163.113		889.240.303	IBVCB.1103220231895001.thanh toan HD so 0006167-0006541-0006097
178	11/03/2022 5058.45367	746.511		888.493.792	IBVCB.1103220026983002.THANH TOAN HD SO 00000274
179	15/03/2022 5009.10732		308.909.868	1.197.403.660	SHGD:10002543.DD:220315.BO:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM209CMZ N 8930.8929.10346.10438.10104.10428.892 2.10430.10326.8915.10339.8921.10387.10 101.10429.8920.10114.10340.10349.1039 0.10392.103 91.10324.10388.89 TK DVH TAI VC
180	15/03/2022 5009.12094		51.621.699	1.249.025.359	SHGD:10005388.DD:220315.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90122005820B2SC 090122005820B2SC0 ChargeDetails OUR
181	15/03/2022 5058.5555	1.020.900		1.248.004.459	IBVCB.1503220148399001.DAT COC CHO CTY HOANG PHAT
182	15/03/2022 5009.14619		1.376.238.972	2.624.243.431	SHGD:10028051.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0037569 WINCOMMERCE THSTL6 NCC 2003606
183	15/03/2022 5009.16026		1.268.508.731	3.892.752.162	SHGD:10028403.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0037043 WINCOMMERCE THSTL5 NCC 2003606
184	15/03/2022 5009.17088		529.307.560	4.422.059.722	SHGD:10028651.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0037568 WINCOMMERCE THSTL1 NCC 2003606
185	15/03/2022 5009.18248		345.456.100	4.767.515.822	SHGD:10028808.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0037041 WINCOMMERCE THSTL3 NCC 2003606

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
186	15/03/2022 5009.18299		307.001.634	5.074.517.456	SHGD:10028804.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0037040 WINCOMMERCE THSTL2 NCC 2003606
187	15/03/2022 5009.18541		255.616.357	5.330.133.813	SHGD:10029148.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0033407 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
188	15/03/2022 5009.18579		321.410.856	5.651.544.669	SHGD:10029023.DD:220315.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0037042 WINCOMMERCE THSTL4 NCC 2003606
189	15/03/2022 9920.86		10.835.301	5.662.379.970	//SAL2022074S007005546027//258.53 65 150322 PP SANH DIEU LS1474 TT INV 01 02 2022
190	16/03/2022 5056.28017	266.507.700		5.395.872.270	IBVCB.1603220194531001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY TAY VINH
191	16/03/2022 5058.32814	492.954.824		4.902.917.446	IBVCB.1603220093205002.THANH TOAN HD SO 0000366 -BINH AN
192	16/03/2022 5058.45277	1.067.923.079		3.834.994.367	IBVCB.1603220249467003.THANH TOAN HD SO 0000367
193	17/03/2022 14.7	2.006.986.302		1.828.008.065	TRANSFERCTY NGOC THOM PAYOFF TK VAY 1023650601
194	17/03/2022 9915.89334	55.000		1.827.953.065	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHỦ ĐÓNG THANG 02/2022. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND
195	17/03/2022 5058.53677	2.976.900		1.824.976.165	IBVCB.1703220313489001.THANH TOAN CTY HOANG PHAT
196	17/03/2022 5056.55755	500.007.700		1.324.968.465	IBVCB.1703220977005002.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
197	18/03/2022 5009.82227		3.353.405	1.328.321.870	SHGD:17798184.DD:220318.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD 426, TT HD 11783, 11261
198	19/03/2022 5065.7974	262.746.358		1.065.575.512	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:19032022+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1056286+LThu:01(C:754-TM:1701-KT: 00/02/2022-ST:262746358-GChu:Nop tien thue GTGT thang 02/2022)
199	21/03/2022 6.116	331.758.180		733.817.332	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- pay inv AQ38.05 12.3.2022

TT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
200	21/03/2022 18.70	1.362.652		732.454.680	CHUYEN KHOAN21/03/2022+USD14,418.00+Fee :USD59.22+ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 05 DATE 16MAR2022 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O UL PODJAZD 1/2 81-805 SOPOT POLAND , Phi:USD 53.84, NoiDung:ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 05 DATE 16MAR2022
201	21/03/2022 5009.54502		3.985.411	736.440.091	SHGD:10005717.DD:220321.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:STK 1661000004222 TT HD SO 2408
202	21/03/2022 9920.5		697.134.514	1.433.574.605	IBVCB.202203215087097237.5.22201653 -THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 19/03/2022
203	22/03/2022 5056.44903	346.028.700		1.087.545.905	IBVCB.2203220397767001.thanh toan tien hang cho THU HANG.
204	23/03/2022 5056.70225	300.007.700		787.538.205	IBVCB.2303220458231001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
205	23/03/2022 5017.94812		770.219	788.308.424	441081.230322.093812.CTY HNT TT HD 00003251 NGOC THOM
206	23/03/2022 5009.3420		44.089.888	832.398.312	SHGD:10018234.DD:220323.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTH theo bang ke chi tiet ngay 22.03.2022 (Ma NCC : 50904)
207	23/03/2022 5009.41678		51.548.352	883.946.664	SHGD:10002155.DD:220323.BO:CONG TY TNHH VIET Y HA NOI CENTER.Remark:STHI VIET Y HN TT CONG NO DON HANG TU THANG 8 DEN 14/09/2021 NCC NGOC THOM
208	24/03/2022 9920.143		7.937.587	891.884.251	//SAL2022083S007000130008//61.56 59 B O CT PP SANH DIEU TT LS1474 TT INV 01 02 2022
209	25/03/2022 5009.4734		1.744.973.929	2.636.858.180	SHGD:10015323.DD:220325.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0044317 WINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
210	25/03/2022 5009.4738		1.119.945.017	3.756.803.197	SHGD:10015485.DD:220325.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0044319 WINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
211	25/03/2022 5009.4748		1.456.122.527	5.212.925.724	SHGD:10015081.DD:220325.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0044318 WINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
212	25/03/2022 5009.4815		38.055.074	5.250.980.798	SHGD:10015735.DD:220325.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0044316 WINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
213	25/03/2022 5009.4817		41.292.261	5.292.273.059	SHGD:10015500.DD:220325.BO:CT CP DVTM TH WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0044315 WINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
214	25/03/2022 9920.20		1.499.928	5.293.772.987	//SAL2022084S007000130010//B O CT PP SANH DIEU TT LS1474 TT INV 01 02 2022
215	25/03/2022 5058.41556	742.220.374		4.551.552.613	IBVCB.2503220765869001.THANH TOAN HD SO 377-CTY BINH AN
216	25/03/2022 5058.43739	288.369.073		4.263.183.540	IBVCB.2503220703929002.THANH TOAN HD SO 378+ DAT COC -CTY BINH AN
217	25/03/2022 5017.57339		50.608.968	4.313.792.508	310120.250322.172808.jmart tt t9 den t12 cho ngoc thom
218	25/03/2022 9410.0012468207	22.000		4.313.770.508	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
219	25/03/2022 9711.0012468207		328.904	4.314.099.412	INTEREST PAYMENT
220	26/03/2022 5017.33624		6.035.983	4.320.135.395	311834.260322.133702.MEKONG THANH TOAN TIEN HANG CHO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
221	26/03/2022 5056.57306	6.007.700		4.314.127.695	IBVCB.2603220914579001.thanh toan hd so 15673-CTY DALAT HASFARM
222	26/03/2022 5058.56522	18.725.300		4.295.402.395	IBVCB.2603220887411002.THANH TOAN HD SO 1771- CTY A BA
223	28/03/2022 5009.10577		47.287.439	4.342.689.834	SHGD:10000424.DD:220328.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN FEB22
224	28/03/2022 5056.64359	1.500.007.700		2.842.682.134	IBVCB.2803220478881001.thanh toan tien hang cho cty thu hang
225	28/03/2022 7.82		8.502.694	2.851.184.828	TTTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
226	28/03/2022 5017.13987		803.690	2.851.988.518	919831.280322.114845.CTY HNT TT HD 000004119 CAN TRU TT DU 150000VND NGOC THOM
227	28/03/2022 5009.87896		1.157.087	2.853.145.605	SHGD:10006282.DD:220328.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:STK 1661000004222 THANH TOAN HD SO 4114
228	28/03/2022 9908.43228	6.259.726		2.846.885.879	THU NO TKV 1023416140
229	28/03/2022 9908.59301	7.479.452		2.839.406.427	THU NO TKV 1024758019

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
230	28/03/2022 9908.61361	23.589.041		2.815.817.386	THU NO TKV 1024490809
231	28/03/2022 9908.81096	15.534.247		2.800.283.139	THU NO TKV 1024125266
232	28/03/2022 9908.74118	8.630.137		2.791.653.002	THU NO TK VAY 1025487890
233	28/03/2022 9908.95449	8.630.137		2.783.022.865	THU NO TKV 1024905305
234	28/03/2022 9908.28909	6.904.110		2.776.118.755	THU NO TKV 1024276691
235	28/03/2022 9908.42963	8.630.137		2.767.488.618	CA - TARGET-LN
236	28/03/2022 9908.28019	8.630.137		2.758.858.481	THU NO TKV 1025527925
237	28/03/2022 9908.22566	8.630.137		2.750.228.344	CA - TARGET-LN
238	29/03/2022 5058.4853	450.074.250		2.300.154.094	IBVCB.2903220354019001.DAT COC CTY BINH AN-HD SO 2803/2022/BA-NT
239	29/03/2022 5058.5231	44.060.041		2.256.094.053	IBVCB.2903221038171002.THANH TOAN HD SO 135-CTY ONG THEP
240	30/03/2022 5009.40468		1.199.426	2.257.293.479	SHGD:10000888.DD:220330.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90025005820B1SC 090025005820B1SC0 ChargeDetails OUR
241	30/03/2022 5058.27798	483.479		2.256.810.000	IBVCB.3003220901379001.THANH TOAN HD SO 226.
242	30/03/2022 5058.27922	14.281.518		2.242.528.482	IBVCB.3003220994931002.THAH TOAN HD SO 225
243	30/03/2022 5009.61429		6.175.267	2.248.703.749	SHGD:17109744.DD:220330.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai.Gon.Remark:VD 426, TTHD 14301, 14630
244	31/03/2022 5056.73487	500.007.700		1.748.696.049	IBVCB.3103220071545001.ngoc thom thanh toan tien hang cho cty thu hang
245	31/03/2022 5056.78877	500.007.700		1.248.688.349	IBVCB.3103220799093002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
246	01/04/2022 9920.24		3.699.322	1.252.387.671	//SAL2022091S007000130005//B O CT PP SANH DIEU TT LS1474 TT INV 02+03 2022
247	04/04/2022 5009.47979		1.542.147	1.253.929.818	SHGD:10002887.DD:220404.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBS1474 - TT INV 01+02+03/2022
248	04/04/2022 5058.17822	37.794.900		1.216.134.918	IBVCB.0404220626101001.THANH TOAN TIEN HANG CTY VIETUNION
249	04/04/2022 11.364		60.839.005	1.276.973.923	SATRA PHAM HUNG TT-NCC (VD 0426) GOM 11 HD 42283 DEN 10258, CAC KHOAN CK



Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
250	04/04/2022 5017.35812		461.176	1.277.435.099	868633.040422.162244.CTY HNT TT HD 00005283 NGOC THOM
251	05/04/2022 5056.58353	700.007.700		577.427.399	IBVCB.0504220850075001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
252	05/04/2022 5009.30796		162.313.783	739.741.182	SHGD:10003618.DD:220405.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM20C75T N AC/22E.AC/22E.AC/22E.11260.12698.1 3027.11474.11461.10732.11457.12763.11 453.13029.13026.12704.12714.13024.128 26.13018.11467. 11462.11469.12766 TK DVH TAI VC
253	05/04/2022 5009.40272		35.363.152	775.104.334	SHGD:10001481.DD:220405.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEU DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188 MUA THUC PHAM DS T5/21 - AP01
254	06/04/2022 5056.75880	200.007.700		575.096.634	IBVCB.0604220423109001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
255	06/04/2022 5017.60856		881.589	575.978.223	509507.060422.150408.CTY HNT TT HD 000005374 NGOC THOM
256	07/04/2022 8.22		550.000.000	1.125.978.223	TRAN THI THOM//NHAP QUY TIEN MAT
257	07/04/2022 14.86	1.090.235.616		35.742.607	TRANSFERCTY NGOC THOM PAYOFF TK VAY 1023416140
258	12/04/2022 5009.37527		16.218.835	51.961.442	SHGD:10008787.DD:220412.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90123005820B2SC 090123005820B2SC0 ChargeDetails OUR
259	12/04/2022 5130.16143		93.190.671	145.152.113	/Ref:PATTM20D1ZD {/}/Ref:PATTM20D1ZD{/}/TT VNM20D1ZD N BATCH:M2.3-10.04.2022MM MEGA MARKETTTOANPAYMENT:8317000 023944VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
260	13/04/2022 5017.89670		667.450	145.819.563	934190.130422.113141.CTY HNT TT HD 00006713 NGOC THOM
261	13/04/2022 5058.42332	105.628.750		40.190.813	IBVCB.1304220342743001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY CUOC SONG

số:
Số dư cuối kỳ:
Closing balance

36.841.383.918

36.331.682.051

40.190.813



Đã xác nhận của ngân hàng/
Bank's confirmation

*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!*

Nguyễn Thị Kim Huyền

VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai

VIETCOMBANK - Together for the future

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

Note: This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.